

Bản án số: 538/2021/HSPT
Ngày 27-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các thẩm phán: Ông **Lê Phước Thanh.**

Ông **Trần Quốc Cường.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Ra** - Kiểm sát viên.

Ngày 27-12-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 253/2021/TLPT-HS ngày 13-3-2021 đối với bị cáo **Đoàn Thị T** cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HS-ST ngày 04-02-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Đoàn Thị T, sinh ngày 03-10-1976 tại Quảng Nam; địa chỉ cư trú: tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 03/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Đoàn Văn T và bà Trương Thị C; chồng là Nguyễn Tấn N và có 04 con (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12-8-2020. Ngày 10-9-2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị H, sinh ngày 01-6-1981 tại Đắk Lắk; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 15, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 07/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Văn E và bà Nguyễn Thị C; chồng là Trương Quang D và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 05-10-2016, Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12-8-2020. Ngày 22-8-2020 được thay đổi biện

pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Đinh Thị H1, sinh ngày 16-10-1960 tại Nghệ An; địa chỉ cư trú: Thôn 19/5, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 07/10; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Đinh Quang D và bà Nguyễn Thị K; chồng là Ngô Công L và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1995); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16-10-2018, Công an huyện K xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12-8-2020. Ngày 22-8-2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thị S, sinh ngày 20-10-1969 tại Nghệ An; địa chỉ cư trú: Thôn 19/5, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 09/10; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị T; chồng là Trịnh Văn H và 03 con (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16-10-2018, Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12-8-2020. Ngày 20-8-2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Trương Thị T, sinh ngày 02-9-1979 tại Thái Bình; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 05, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 07/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Trương Đức D và bà Nguyễn Thị K; chồng là Tạ Quang B và Ngô Hồ Ngọc D (đều đã ly hôn) và có 04 con (lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28-6-2019, Công an thị trấn P, huyện K xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. Lê Thị Thu S, sinh ngày 16-6-1985 tại Quảng Ngãi; địa chỉ cư trú: tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 07/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Lê Văn N và bà Ngô Thị Thu S; chồng là Hoàng Văn C và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo bị kháng nghị:

1. Phạm Thị Ngọc X (tên gọi khác: T), sinh ngày 04-02-1979 tại Bình Định; địa chỉ cư trú: huyện K, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 06/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Phạm H1 và bà Đặng Thị T; chồng là Lê Đình T và có 04 con (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12-8-2020. Ngày 22-8-2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Đinh Thị Mộng H (tên gọi khác: H), sinh ngày 26-01-1992, tại Đắk Lắk; địa chỉ cư trú: tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Mường; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Đinh Công N và bà Phạm Thị H; chồng là Phạm Đình D và 03 con (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh ngày 04-11-2019); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thị L H, sinh ngày 02-9-1969, tại Bình Định; địa chỉ cư trú: tỉnh Lâm Đồng; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Công giáo; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 07/10; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H; chồng là Nguyễn Văn T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12-8-2020. Ngày 22-8-2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thị L, sinh ngày 28-5-1965 tại Bình Định; địa chỉ cư trú: huyện K, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 06/10; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Nguyễn T và bà Đoàn Thị L; chồng là Võ Văn C và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 2000); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12-8-2020. Ngày 22-8-2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Phan Huy H (tên gọi khác: T), sinh ngày 12-12-1995, tại Đắk Lắk; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 07, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 08/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Phan H1 S và bà Trịnh Thị L; vợ là Lê Thị H1 (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 30-11-2020. Ngày 03-12-2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 01-01-1969, tại Quảng Nam; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 08, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 8/10; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Phạm C và bà Phan Thị T (mẹ ruột), mẹ kế là bà Nguyễn Thị X (cùng là bị cáo trong vụ án này); chồng là Nguyễn H và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12-8-2020. Ngày 22-8-2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7. Mang Thị Thu T, sinh ngày 15-5-1975 tại Hà Nội; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 18, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Chăm; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Công giáo; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 05/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Mang T và bà Nguyễn Thị H; chồng là Đinh Văn T và có 04 con (lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2004); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12-8-2020. Ngày 22-8-2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

8. Trần Thị L T, sinh ngày 01-01-1973 tại Quảng Nam; địa chỉ cư trú: huyện K, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 05/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Trần Hữu N và bà Trần Thị K; chồng là Phan Văn H và có 06 con (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12-8-2020. Ngày 22-8-2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Thị X, sinh ngày 01-01-1958 tại Quảng Nam; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 07, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 05/10; nghề nghiệp: Nội trợ; con ông Nguyễn Đ và bà Đoàn Thị T; chồng là Nguyễn Phạm C và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12-8-2020. Ngày 22-8-2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

10. H Thị L, sinh ngày 25-9-1988 tại Đắk Lắk; địa chỉ cư trú: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông H X T và bà H Thị P; chồng là Đinh Tân T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 29-10-2020. Ngày 28-12-2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Thị T:

Luật sư **Lê Xuân Anh P** - Chi nhánh Công ty Luật TNHH H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 12-8-2020, tại nhà Đoàn Văn P (sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ dân phố 14, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk), Đoàn Thị T (là chị gái của P) và đối tượng tên L (chưa xác định được nhân thân) đã tổ chức cho các đối tượng gồm: Đinh Thị H1, Trần Thị L T, Mang Thị Thu T, Nguyễn Thị Khánh H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị L, Phạm Thị Ngọc X, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị L H, Lê Thị Thu S, Trương Thị T, Đinh Thị Mộng H, Phan Huy H và H Thị L đánh bạc (dưới hình thức đánh bài “Xì lát”) được thua bằng tiền.

Để tổ chức cho các đối tượng đánh bạc, L điện thoại rủ các đối tượng, còn T mua 10 bộ bài Tú Lơ Khơ. Khi đến nhà của P, T lấy 01 chiếc chăn, 01 đĩa sứ có sẵn trong nhà P để mọi người đánh bạc. Trước lúc đánh bạc, các con bạc thống nhất với nhau, mỗi người có thể làm cái một lượt là 06 ván hoặc nhiều hơn và trực tiếp thắng

thua với những người còn lại. Cứ hết một lượt làm cái, T sẽ thu tiền xâu của người làm cái 50.000 đồng. Trong ngày 12-8-2020, T đã thu tiền xâu được 700.000 đồng. Do hình thức đánh bài xì lát chỉ được tối đa 10 người tham gia, gồm 01 người làm cái và 09 người đánh bạc. Do số người tham gia đánh bạc đông, nên nhiều người có thể góp tiền với nhau để làm cái hoặc đặt cược. Trong quá trình đánh bạc, Trương Thị T, Phan Huy H, Mang Thị Thu T, Nguyễn Thị H, Đinh Thị Mộng H, Phạm Thị Ngọc X lần lượt làm cái; Đinh Thị H1, Trần Thị L T, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị L H, Nguyễn Thị Khánh Hưng, Lê Thị Thu S, H Thị L, L không làm cái, chỉ tham gia đặt cược. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi Đoàn Thị T đang tổ chức cho các con bạc đánh bạc, thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk phát hiện bắt quả tang. Tại thời điểm bắt quả tang, Phan Huy H, H Thị L và đối tượng L đã bỏ trốn.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã tạm giữ vật chứng của vụ án, gồm:

- Tạm giữ trên chiếu bạc: Số tiền 11.500.000 đồng; 10 bộ bài Tú Lơ Khor (trong đó 02 bộ bài đã qua sử dụng, 08 bộ chưa sử dụng); 01 chiếc chăn nhiều màu sắc, kích thước (90 x 110) cm; 01 đĩa sứ màu trắng.

- Tạm giữ của: Đoàn Thị T 700.000 đồng; Phạm Thị Ngọc X 2.900.000 đồng; Nguyễn Thị Khánh H 500.000 đồng; Trần Thị L T 500.000 đồng; Nguyễn Thị S 3.750.000 đồng; Đinh Thị H1 4.600.000 đồng; Nguyễn Thị H 4.950.000 đồng; Lê Thị Thu S 1.000.000 đồng; Trương Thị T 2.850.000 đồng; Nguyễn Thị L 1.300.000 đồng; Nguyễn Thị L H 3.800.000 đồng; H Thị L 100.000 đồng và Phan Huy H 400.000 đồng.

- Quá trình điều tra, Đoàn Thị T tự nguyện giao nộp 1.680.000 đồng là tiền xâu T thu được từ việc tổ chức đánh bạc trong các ngày 10 và 11-8-2020.

Cách thức các con bạc đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài “Xì lát”, như sau: Người chơi sử dụng 01 bộ bài Tú Lơ Khor (hay còn gọi là bài Tây) gồm 52 lá bài để đánh bạc (52 lá/01 bộ). Đối với hình thức Xì lát quy ước số điểm của các lá bài gồm A có thể là 01 điểm hoặc 10 điểm hoặc 11 điểm (tùy thuộc vào từng ván bài); các lá bài có số từ 2 - 10 tương ứng số điểm bằng số của lá bài; các lá bài J, Q, K tương ứng là 10 điểm. Số lượng người chơi tối đa chỉ được 10 người tham gia, gồm 01 người cầm cái và 09 người đánh bạc (gọi là tụ); tỷ lệ thắng cược là 1-1. Người làm cái (thường gọi tắt là “Cái”) xáo bài nhiều lần rồi chọn hướng chia bài bên tay qua trái hoặc phải, chia cho mỗi người 02 lá bài úp. Khi chia bài xong, cái đặt phần bài còn lại lên đĩa sứ. Người đánh bạc đặt tiền trước khi chia bài với số tiền tối đa là 200.000 đồng/ván. Các con bạc tự xem bài, theo thứ tự từ người được chia đầu tiên sẽ có quyền bốc bài trước và thứ tự từng người tiếp theo, người rút bài được rút từ 01 đến tối đa 03 lá bài, người rút bài cuối cùng là cái. Sau đó, cái xem bài của mình, nếu đủ số điểm tối thiểu là 15, thì có quyền xem bài của bất kỳ con bạc nào để xác định kết quả thắng thua. Hình thức tính điểm thắng thua gồm: Thứ nhất là tính điểm, cộng điểm những quân bài trong một ván, nhưng không quá 21 điểm; thứ hai là cách tính 05 quân bài, nhưng tổng điểm không quá 21 điểm gọi là “Ngũ linh”; thứ ba là có 01 quân “A” cùng một trong các quân bài có số 10, chữ

“J”, “Q”, “K” thì gọi là “Xì lát”; cuối cùng là có 02 quân bài cùng có chữ “A” gọi là “Xì bàn”. Cái đối chiếu kết quả của mình với từng con bạc, nếu cái nhỏ điểm hơn con bạc thì cái thua và ngược lại.

Quá trình điều tra xác định được:

- Đoàn Thị T sử dụng phòng khách nhà của em ruột là Đoàn Văn P để tổ chức đánh bạc và trong ngày 12-8-2020, T đã thu xâu được 700.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc mọi người đang đánh bạc thì bị bắt quả tang, tạm giữ 38.150.000 đồng (tạm giữ trên chiếu bạc 11.500.000 đồng, tạm giữ trên người các đối tượng 26.650.000 đồng).

- Nguyễn Thị H sử dụng 7.600.000 đồng để đánh bạc, Đinh Thị H1 sử dụng 4.600.000 đồng để đánh bạc, Phạm Thị Ngọc X sử dụng 4.500.000 đồng để đánh bạc, Đinh Thị Mộng H sử dụng 4.000.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Thị S sử dụng 4.000.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Thị L H sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc, Trương Thị T sử dụng 2.800.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Thị L sử dụng 1.600.000 đồng để đánh bạc, Phan Huy H sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc, Lê Thị Thu S sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Thị Khánh H sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc, Mang Thị Thu T sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc, Trần Thị L T sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Thị X sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, H Thị L mang theo 200.000 đồng, L được L cho 100.000 đồng, tổng cộng L có 300.000 đồng, L sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HS-ST ngày 04-02-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125, Điều 260 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên bố: Đoàn Thị T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Nguyễn Thị H, Đinh Thị H1, Nguyễn Thị S, Trương Thị T, Phạm Thị Ngọc X, Đinh Thị Mộng H, Nguyễn Thị L H, Nguyễn Thị L, Phan Huy H, Nguyễn Thị Khánh H, Lê Thị Thu S, Mang Thị Thu T, Trần Thị L T, Nguyễn Thị X và H Thị L phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm a, c khoản 1 khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Đoàn Thị T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12-8-2020 đến ngày 10-9-2020).

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 40.000.000 đồng đối với Đoàn Thị T.

- Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Nguyễn Thị H 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12-8-2020 đến ngày 22-8-2020).

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 30.000.000 đồng đối với Nguyễn Thị H.

- Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Đinh Thị H1 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12-8-2020 đến ngày 22-8-2020).

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 20.000.000 đồng đối với bị cáo Đinh Thị H1.

- Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Nguyễn Thị S 09 (chín)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12-8-2020 đến ngày 20-8-2020).

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 20.000.000 đồng đối với Nguyễn Thị S.

- Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Trương Thị T 09 (chín)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 20.000.000 đồng đối với Trương Thị T.

- Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Phạm Thị Ngọc X 09 (chín)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **01** năm **06** tháng tính từ ngày tuyên án.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 20.000.000 đồng đối với Phạm Thị Ngọc X.

- Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Đinh Thị Mộng H 09 (chín)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **01** năm **06** tháng, tính từ ngày tuyên án.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 20.000.000 đồng đối với Đinh Thị Mộng H.

- Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Nguyễn Thị L H 09 (chín)** tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày từ ngày 12-8-2020 đến ngày 22-8-2020 (là 12 ngày, quy ra thành 36 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 07 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn cải tạo không giam giữ là ngày Ủy ban nhân dân xã Lạc X, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị L H.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 20.000.000 đồng đối với Nguyễn Thị L H.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Nguyễn Thị L 09 (chín)** tháng cải tạo, không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày từ ngày 12-8-2020 đến ngày 22-8-2020 (là 12 ngày, quy ra thành 36 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 07 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn cải tạo không giam giữ là ngày Ủy ban nhân dân xã Hòa Tiên, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị L.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Phan Huy H 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng)**.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 7, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Nguyễn Thị Khánh H 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng)**.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Lê Thị Thu S** 45.000.000 đồng (**bốn mươi lăm triệu đồng**).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Mang Thị Thu T** 40.000.000 đồng (**bốn mươi triệu đồng**).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Trần Thị L T** 45.000.000 đồng (**bốn mươi lăm triệu đồng**).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Nguyễn Thị X** 40.000.000 đồng (**bốn mươi triệu đồng**).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **H Thị L** 35.000.000 đồng (**ba mươi lăm triệu đồng**).

Giao bị cáo **Phạm Thị Ngọc X** cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Tiến, huyện K; giao bị cáo **Đinh Thị Mộng H** cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Phong, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk để giám sát và giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo khoản 1 Điều 69 Luật T hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo **Nguyễn Thị L H** cho Ủy ban nhân dân xã Lạc X, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng; giao bị cáo **Nguyễn Thị L** cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Tiến, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 09-02-2021, Trương Thị T, Đinh Thị H1, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm, đều xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

- Ngày 18-02-2021, Đoàn Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm, xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

- Ngày 19-02-2021, Lê Thị Thu S kháng cáo bản án sơ thẩm, xin giảm tiền phạt.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐ-VKS-P2 ngày 17-02-2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Tăng hình phạt tù đối với: Đoàn Thị T, Nguyễn Thị H, Đinh Thị H1, Nguyễn Thị S, Trương Thị T.

- Xử phạt tù không cho hưởng án treo đối với: Phạm Thị Ngọc X và Đinh Thị Mộng H.

- Thay hình phạt cải tạo không giam giữ bằng hình phạt tù đối với: Nguyễn Thị L H và Nguyễn Thị L.

- Không xử phạt tiền là hình phạt chính, mà xử phạt tù đối với: Nguyễn Thị Khánh H, Trần Thị L T, Nguyễn Thị X, Lê Thị Thu S, H Thị L, Mang Thị Thu T và Phan Huy H.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Đoàn Thị T, Trương Thị T, Đinh Thị H1, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị H và Lê Thị Thu S kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo. Đơn kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, các bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị giữ nguyên mức hình phạt, nhưng cho hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Thị T, Trương Thị T và Lê Thị Thu S; giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đinh Thị H1, Nguyễn Thị S và Nguyễn Thị H; giữ nguyên hình phạt tù và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phần tranh luận: Luật sư bào chữa cho bị cáo Đoàn Thị T thống nhất với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định, nhưng cho rằng bị cáo chỉ là người làm theo chỉ đạo của đối tượng tên L; không có mục đích thu lợi bất chính và thực tế bị cáo không thu lợi bất chính; sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo có 04 con còn nhỏ, bản thân bị cáo có bệnh, thường xuyên phải điều trị; căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo.

Các bị cáo không tranh luận, chỉ xin được hưởng án treo.

[2]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, căn cứ Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tuy nhiên, Bản án hình sự sơ thẩm số **13/2021/HS-ST** ngày 04-02-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk kết án các bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”, nhưng tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 07/2021/QĐ-VKS-P2 ngày 17-02-2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk lại kháng nghị đối

với Bản án hình sự sơ thẩm (không số)/2021/HS-ST ngày 04-02-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk là không đúng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cần rút kinh nghiệm trong việc ban hành kháng nghị.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo: Đoàn Thị T, Trương Thị T, Đinh Thị H1, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị H và Lê Thị Thu S:

[3.1]. Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo nhận tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các lời khai trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 12-8-2020 tại tổ dân phố 14, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Đoàn Thị T cùng đối tượng tên L tổ chức cho Nguyễn Thị H, Đinh Thị H1, Nguyễn Thị S, Trương Thị T, Phạm Thị Ngọc X, Đinh Thị Mộng H, Nguyễn Thị L H, Nguyễn Thị L, Phan Huy H, Nguyễn Thị Khánh H, Lê Thị Thu S, Mang Thị Thu T, Trần Thị L T, Nguyễn Thị X và H Thị L đánh bạc trái phép, bằng hình thức “Xì lát”, được thua bằng tiền. Để cho các đối tượng nêu trên đánh bạc, Đoàn Thị T chuẩn bị đĩa sứ, chăn, 10 bộ bài Tú Lơ Khơ và trực thu tiền xâu; còn đối tượng tên L dùng điện thoại di động để gọi các đối tượng này đến đánh bạc trái phép. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 38.150.000 đồng; trong đó, thu trên chiếu bạc là 11.500.000 đồng, thu trên người các bị cáo dùng để đánh bạc là 26.650.000 đồng.

Với hành vi phạm tội như nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết án Đoàn Thị T về tội “Tổ chức đánh bạc”; kết án các bị cáo Nguyễn Thị H, Đinh Thị H1, Nguyễn Thị S, Trương Thị T, Lê Thị Thu S và các bị cáo khác về tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.2]. Về hình phạt:

- Đối với kháng cáo của Đoàn Thị T:

Đoàn Thị T và đối tượng tên L cùng nhau chuẩn bị địa điểm, chuẩn bị công cụ như chăn, đĩa sứ, bài Tú Lơ Khơ rồi điện thoại liên hệ, rủ rê, lôi kéo và sau đó phục vụ cùng một lúc cho 15 người đánh bạc trái phép. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 38.150.000 đồng và trong ngày 12-8-2020, T đã thu tiền xâu được 700.000 đồng.

Đoàn Thị T là người có đầy đủ năng lực dân sự để nhận thức và điều khiển được hành vi của mình. Do đó, việc bị cáo cho rằng mình chỉ là người làm theo chỉ đạo của đối tượng tên L, không biết việc cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà em trai mình (Đoàn Văn P) là phạm tội là không có cơ sở để chấp nhận. Hành vi phạm tội của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội, gây nhiều dư luận xấu trong nhân dân, do đó cần phải xử lý bị cáo một hình phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên, do bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được chứng cứ để chứng minh có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới; đồng thời, với hành vi phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, tổ chức cho nhiều người cùng một lúc đánh bạc để thu lợi bất chính, thì việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định là điều cần thiết. Có như vậy, mới đủ tác dụng để cải tạo, giáo dục bị cáo, cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Đối với kháng cáo của Trương Thị T:

Ngày 12-8-2020, Trương Thị T sử dụng 2.800.000 đồng để đánh bạc, dưới hình thức đánh “Xì lát”, được thua bằng tiền và ngay sau đó bị bắt quả tang. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng và an toàn xã hội; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, từ đó xử phạt bị cáo 09 tháng tù là có căn cứ.

Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được chứng cứ để chứng minh có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới; đồng thời, xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, ngày 28-6-2019, bị cáo đã bị Công an thị trấn P, huyện K xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc. Như vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Đối với kháng cáo của Lê Thị Thu S:

Ngày 12-8-2020, Lê Thị Thu S sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc, dưới hình thức đánh “Xì lát”, được thua bằng tiền và ngay sau đó bị bắt quả tang. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng và an toàn xã hội; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Tuy nhiên, xét thấy số tiền bị cáo dùng để đánh bạc không lớn, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 45.000.000 đồng là đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo và thể hiện được chính sách nhân đạo của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Đối với kháng cáo của Nguyễn Thị H, Đinh Thị H1 và Nguyễn Thị S:

Ngày 12-8-2020, Nguyễn Thị H sử dụng 7.600.000 đồng, Đinh Thị H1 sử dụng 4.600.000 đồng và Nguyễn Thị S sử dụng 4.000.000 đồng để đánh bạc. Các bị cáo sử dụng bộ bài Tú Lơ Khơ để đánh bạc dưới hình thức đánh “Xì lát”, được thua bằng tiền và ngay sau đó bị bắt quả tang. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý đối với các bị cáo hình phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc không lớn. Mặc dù, các bị cáo đều bị xử phạt hành chính, nhưng theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy, để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5]. Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên Đoàn Thị T, Trương Thị T và Lê Thị Thu S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Đinh Thị H1 và Nguyễn Thị S được chấp nhận kháng cáo, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐ-VKS-P2 ngày 17-02-2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định về trách nhiệm hình sự của Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HS-ST ngày 04-02-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với: Phạm Thị Ngọc X, Đinh Thị Mộng H, Nguyễn Thị L H, Nguyễn Thị L, Phan Huy H, Nguyễn Thị Khánh H, Mang Thị Thu T, Trần Thị L T, Nguyễn Thị X và H Thị L có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 27-12-2021.

2. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đoàn Thị T, Trương Thị T và Lê Thị Thu S.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H, Đinh Thị H1 và Nguyễn Thị S.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HS-ST ngày 04-02-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

3. Về trách nhiệm hình sự:

3.1. Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Đoàn Thị T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12-8-2020 đến ngày 10-9-2020).

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 40.000.000 đồng đối với Đoàn Thị T.

3.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trương Thị T 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”.** Thời hạn chấp hành

hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 20.000.000 đồng đối với Trương Thị T.

3.3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Thị H 09 (chín)** tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (**mười tám**) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 30.000.000 đồng đối với Nguyễn Thị H.

3.4. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Đinh Thị H1 09 (chín)** tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (**mười tám**) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 20.000.000 đồng đối với Đinh Thị H1.

3.5. Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Thị S 09 (chín)** tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (**mười tám**) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 20.000.000 đồng đối với Nguyễn Thị S.

Giao bị cáo **Nguyễn Thị H** cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo **Đinh Thị H1** và bị cáo **Nguyễn Thị S** cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì áp dụng theo khoản 1 Điều 69 Luật T hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Lê Thị Thu S 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).**

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ điểm a, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đoàn Thị T, Trương Thị T và Lê Thị Thu S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Nguyễn Thị H, Đinh Thị H1 và Nguyễn Thị S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường